



SỞ Y TẾ HUNG YÊN
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Cơ sở 1: Đường Hải Thượng Lãn Ông, Phường Phố Hiến, Tỉnh Hưng Yên

Cơ sở 2: Số 113, Đường Nguyễn Tông Quai, Phường Trần Lãm, Tỉnh Hưng Yên

ĐT: 02273.832.639 - Email: khoa_xncdchy@gmail.com

Số: 1343/2026/KQTN-XN

Ngày trả kết quả: 22/06/2026

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

I. Lý lịch mẫu:

Tên mẫu: Nước sinh hoạt

Nhận diện mẫu: N40/09/06/26

Vị trí lấy mẫu: Vòi phát tại nhà máy

Mô tả mẫu: Mẫu được đựng trong chai nhựa, chai thủy tinh đầy nắp kín, có nhãn mác

Nơi gửi mẫu: Công Ty Nước Sạch Hưng Yên - Chi Nhánh Cấp Nước Hưng Yên I

Địa chỉ: Số 3 - Tô Hiệu - Phường Phố Hiến - Tỉnh Hưng Yên

Người gửi mẫu: Phạm Thanh Hiền - Nhân viên công ty

Ngày gửi mẫu: Ngày 09 tháng 06 năm 2026

Mẫu gửi đến phòng thử nghiệm: Ngày 09 tháng 06 năm 2026

Yêu cầu thử nghiệm: 27 chỉ tiêu hóa lý và 04 chỉ tiêu vi sinh

II. Kết quả phân tích:

1. Chỉ tiêu hóa lý:

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
1.	Màu sắc (*)	SMEWW2120C:2023	TCU	< 0,3 ^(b)	15
2.	Mùi	SMEWW2150:2023	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
3.	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,39	2
4.	Độ pH (*)	TCVN 6492 : 2011	-	7,59	6,0 - 8,5
5.	Hàm lượng Asen (As)(*)	SMEWW3114B:2023	mg/L	< 0,3x10 ^{-3(b)}	0,01
6.	Hàm lượng Clo dư	TCVN 6225-2:2021	mg/L	0,32	0,2 - 1,0
7.	Hàm lượng Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)(*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	< 0,01 ^(b)	1
8.	Hàm lượng Stibium(Sb)	SMEWW3113B:2023	mg/L	< 2,0x10 ^{-3(b)}	0,02
9.	Hàm lượng Bari (Ba)(*)	TCVN 6660 : 2000	mg/L	< 0,15 ^(b)	1,3
10.	Hàm lượng Cadimi(*)	SMEWW3113B:2023	mg/L	< 0,06x10 ^{-3(b)}	0,003
11.	Chỉ số pecmanganat(*)	TCVN 6186 : 1996	mg/L	0,576	2
12.	Hàm lượng Clorua (*)	TCVN 6194:1996	mg/L	7,8	250 hoặc 300
13.	Hàm lượng Crom	SMEWW3113B:2023	mg/L	< 0,67x10 ^{-3(b)}	0,05

Lưu ý: - Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm

- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hưng Yên.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Giải quyết thắc mắc, khiếu nại trong 07 ngày kể từ ngày trả kết quả ghi trên phiếu kết quả kiểm nghiệm
- * Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017
- ** Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ
- *** Chỉ tiêu/phép thử được chỉ định phục vụ quản lý nhà nước

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
14.	Hàm lượng Đồng ^(*)	SMEWW3111B:2023	mg/L	< 0,03 ^(b)	1
15.	Độ cứng (tính theo CaCO ₃) ^(*)	TCVN 6224:1996	mg/L	92,0	300
16.	Hàm lượng Kẽm	SMEWW3111B:2023	mg/L	<0,03 ^(b)	2
17.	Hàm lượng Mangan tổng số ^(*)	SMEWW3111B:2023	mg/L	< 0,03 ^(b)	0,1
18.	Hàm lượng Natri ^(*)	TCVN 6660 : 2000	mg/L	5,7	200
19.	Hàm lượng Nitrat(NO ₃ ⁻ tính theo N) ^(*)	TCVN 6180 : 1996	mg/L	0,569	11
20.	Hàm lượng Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) ^(*)	TCVN 6178 : 1996	mg/L	< 0,001 ^(b)	0,9
21.	Hàm lượng Sắt (tổng số) ^(*)	SMEWW3111B:2023	mg/L	< 0,03 ^(b)	0,3
22.	Hàm lượng Sulphate ^(*)	QT 17.2025 / HLN	mg/L	7,43	250
23.	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	SMEWW3112B:2023	mg/L	< 0,3x10 ^{-3(b)}	0,001
24.	Tổng chất rắn hòa tan	SMEWW2540C:2023	mg/L	116,0	1.000
25.	Hàm lượng Chì (Pb) ^(*)	SMEWW3113B:2023	mg/L	< 1,6x10 ^{-3(b)}	0,01
26.	Hàm lượng Niken	SMEWW3111B:2023	mg/L	< 0,02 ^(b)	0,07
27.	Hàm lượng Florua ^(*)	QT 32.2025 / HLN	mg/L	< 0,3 ^(a)	1,5

2. Chỉ tiêu vi sinh:

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
1.	Coliform ^(*)	TCVN6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	< 1
2.	E.coli ^(*)	TCVN6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	< 1
3.	S. aureus ^(*)	SMEWW 9213B:2023	CFU/100ml	KPH	< 1
4.	P. aeruginosa ^(*)	TCVN 8881 : 2011	CFU/100ml	KPH	< 1

Ghi chú: KPH - Không phát hiện

(a): Giá trị giới hạn định lượng của phương pháp thử (LOQ)

(b): Giới hạn phát hiện của phương pháp thử (LOD)



TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM
CĐHA - TDCN

Ths. Phạm Thị Thu Hà

- Lưu ý:** - Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hưng Yên.
 - Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
 - Giải quyết thắc mắc, khiếu nại trong 07 ngày kể từ ngày trả kết quả ghi trên phiếu kết quả kiểm nghiệm
 - * Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017
 - ** Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ
 - *** Chỉ tiêu/phép thử được chỉ định phục vụ quản lý nhà nước



SỞ Y TẾ HƯNG YÊN
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Cơ sở 1: Đường Hải Thượng Lãn Ông, Phường Phố Hiến, Tỉnh Hưng Yên

Cơ sở 2: Số 113, Đường Nguyễn Tông Quai, Phường Trần Lãm, Tỉnh Hưng Yên

ĐT: 02273.832.639 - Email: khoaxncdchy@gmail.com

Số: 1349/2026/KQTN-XN

Ngày trả kết quả: 22/06/2026

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



VILAS 629

I. Lý lịch mẫu:

Tên mẫu: Nước sinh hoạt

Nhận diện mẫu: N41/09/06/26

Vị trí lấy mẫu: HGD SN 52E - Trung Nhị - Phường Phố Hiến - Tỉnh Hưng Yên

Mô tả mẫu: Mẫu được đựng trong chai nhựa, chai thủy tinh đầy nắp kín, có nhãn mác

Nơi gửi mẫu: Công Ty Nước Sạch Hưng Yên - Chi Nhánh Cấp Nước Hưng Yên I

Địa chỉ: Số 3 - Tô Hiệu - Phường Phố Hiến - Tỉnh Hưng Yên

Người gửi mẫu: Phạm Thanh Hiến - Nhân viên công ty

Ngày gửi mẫu: Ngày 09 tháng 06 năm 2026

Mẫu gửi đến phòng thử nghiệm: Ngày 09 tháng 06 năm 2026

Yêu cầu thử nghiệm: 08 chỉ tiêu hóa lý và 02 chỉ tiêu vi sinh

II. Kết quả phân tích:

1. Chỉ tiêu hóa lý:

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
1.	Màu sắc (*)	SMEWW2120C:2023	TCU	$< 0,3^{(b)}$	15
2.	Mùi	SMEWW2150:2023	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
3.	Độ đục (*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,45	2
4.	Độ pH (*)	TCVN 6492 : 2011	-	7,65	6,0 - 8,5
5.	Hàm lượng Clo dư	TCVN6225-2:2021	mg/L	0,39	0,2 - 1,0
6.	Hàm lượng Asen (As) (*)	SMEWW3114B:2023	mg/L	$< 0,3 \times 10^{-3(b)}$	0,01
7.	Hàm lượng Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N) (*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	$< 0,01^{(b)}$	1
8.	Chỉ số pecmanganat (*)	TCVN 6186 : 1996	mg/L	0,640	2

Lưu ý: - Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm

- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hưng Yên.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Giải quyết thắc mắc, khiếu nại trong 07 ngày kể từ ngày trả kết quả ghi trên phiếu kết quả kiểm nghiệm
- * Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017
- ** Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ
- *** Chỉ tiêu/phép thử được chỉ định phục vụ quản lý nhà nước

2. Chỉ tiêu vi sinh:

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
1.	Coliform ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	< 1
2.	E.coli ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	< 1

Ghi chú: KPH - Không phát hiện

(a): Giá trị giới hạn định lượng của phương pháp thử (LOQ)

(b): Giới hạn phát hiện của phương pháp thử (LOD)



GIÁM ĐỐC

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
Lê Thị Hồng Nhung

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM
CĐHA - TDCN

Ths. Phạm Thị Thu Hà

Lưu ý: - Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm

- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hưng Yên.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Giải quyết thắc mắc, khiếu nại trong 07 ngày kể từ ngày trả kết quả ghi trên phiếu kết quả kiểm nghiệm
- * Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017
- ** Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ
- *** Chỉ tiêu/phép thử được chỉ định phục vụ quản lý nhà nước



SỞ Y TẾ HUNG YÊN
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Cơ sở 1: Đường Hải Thượng Lãn Ông, Phường Phố Hiến, Tỉnh Hưng Yên

Cơ sở 2: Số 113, Đường Nguyễn Tông Quai, Phường Trần Lãm, Tỉnh Hưng Yên

ĐT: 02273.832.639 - Email: khoaxncdchy@gmail.com

Số: 1345 /2026/KQTN-XN

Ngày trả kết quả: 22/06/2026

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

I. Lý lịch mẫu:

Tên mẫu: Nước sinh hoạt

Nhận diện mẫu: N42/09/06/26

Vị trí lấy mẫu: Nhà Máy Cấp Nước Tiên Lữ - Xã Tiên Lữ - Tỉnh Hưng Yên

Mô tả mẫu: Mẫu được đựng trong chai nhựa, chai thủy tinh đầy nắp kín, có nhãn mác

Nơi gửi mẫu: Công Ty Nước Sạch Hưng Yên - Chi Nhánh Cấp Nước Hưng Yên I

Địa chỉ: Số 3 - Tô Hiệu - Phường Phố Hiến - Tỉnh Hưng Yên

Người gửi mẫu: Phạm Thanh Hiền - Nhân viên công ty

Ngày gửi mẫu: Ngày 09 tháng 06 năm 2026

Mẫu gửi đến phòng thử nghiệm: Ngày 09 tháng 06 năm 2026

Yêu cầu thử nghiệm: 08 chỉ tiêu hóa lý và 02 chỉ tiêu vi sinh

II. Kết quả phân tích:

1. Chỉ tiêu hóa lý:

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
1.	Màu sắc (*)	SMEWW2120C:2023	TCU	< 0,3 ^(b)	15
2.	Mùi	SMEWW2150:2023	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
3.	Độ đục (*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,51	2
4.	Độ pH (*)	TCVN 6492 : 2011	-	7,64	6,0 - 8,5
5.	Hàm lượng Clo dư	TCVN6225-2:2021	mg/L	0,27	0,2 - 1,0
6.	Hàm lượng Asen (As) ^(*)	SMEWW3114B:2023	mg/L	<0,3 x 10 ^{-3(b)}	0,01
7.	Hàm lượng Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	<0,01 ^(b)	1
8.	Chỉ số pecmanganat ^(*)	TCVN 6186 : 1996	mg/L	0,640	2

Lưu ý: - Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm

- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hưng Yên.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Giải quyết thắc mắc, khiếu nại trong 07 ngày kể từ ngày trả kết quả ghi trên phiếu kết quả kiểm nghiệm
- * Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017
- ** Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ
- *** Chỉ tiêu/phép thử được chỉ định phục vụ quản lý nhà nước

2. Chỉ tiêu vi sinh:

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
1.	Coliform ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	< 1
2.	E.coli ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	< 1

Ghi chú: KPH - Không phát hiện

(a): Giá trị giới hạn định lượng của phương pháp thử (LOQ)

(b): Giới hạn phát hiện của phương pháp thử (LOD)



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
Lê Thị Hồng Nhung

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM
CDHA - TDCN *Phạm Thị Thu Hà*

Ths. Phạm Thị Thu Hà

Lưu ý: - Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm

- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hưng Yên.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Giải quyết thắc mắc, khiếu nại trong 07 ngày kể từ ngày trả kết quả ghi trên phiếu kết quả kiểm nghiệm
- * Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017
- ** Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ
- *** Chỉ tiêu/phép thử được chỉ định phục vụ quản lý nhà nước



SỞ Y TẾ HƯNG YÊN
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Cơ sở 1: Đường Hải Thượng Lãn Ông, Phường Phố Hiến, Tỉnh Hưng Yên

Cơ sở 2: Số 113, Đường Nguyễn Tông Quai, Phường Trần Lãm, Tỉnh Hưng Yên

ĐT: 02273.832.639 - Email: khoaxncdchy@gmail.com

Số: 1346 /2026/KQTN-XN

Ngày trả kết quả: 22/06/2026

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

I. Lý lịch mẫu:

Tên mẫu: Nước sinh hoạt

Nhận diện mẫu: N43/09/06/26

Vị trí lấy mẫu: Vòi phát tại nhà máy

Mô tả mẫu: Mẫu được đựng trong chai nhựa, chai thủy tinh đầy nắp kín, có nhãn mác

Nơi gửi mẫu: Nhà Máy Cấp Nước Ân Thi

Địa chỉ: Phố Nguyễn Trung Ngạn - Xã Ân Thi - Tỉnh Hưng Yên

Người gửi mẫu: Phạm Thanh Hiền - Nhân viên công ty

Ngày gửi mẫu: Ngày 09 tháng 06 năm 2026

Mẫu gửi đến phòng thử nghiệm: Ngày 09 tháng 06 năm 2026

Yêu cầu thử nghiệm: 27 chỉ tiêu hóa lý và 04 chỉ tiêu vi sinh

II. Kết quả phân tích:

1. Chỉ tiêu hóa lý:

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
1.	Màu sắc (*)	SMEWW2120C:2023	TCU	< 0,3 ^(b)	15
2.	Mùi	SMEWW2150:2023	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
3.	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,54	2
4.	Độ pH (*)	TCVN 6492 : 2011	-	7,65	6,0 - 8,5
5.	Hàm lượng Asen (As)(*)	SMEWW3114B:2023	mg/L	< 0,3x10 ^{-3(b)}	0,01
6.	Hàm lượng Clo dư	TCVN 6225-2:2021	mg/L	0,40	0,2 - 1,0
7.	Hàm lượng Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)(*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	< 0,01 ^(b)	1
8.	Hàm lượng Stibium(Sb)	SMEWW3113B:2023	mg/L	< 2,0x10 ^{-3(b)}	0,02
9.	Hàm lượng Bari (Ba)(*)	TCVN 6660 : 2000	mg/L	< 0,15 ^(b)	1,3
10.	Hàm lượng Cadimi(*)	SMEWW3113B:2023	mg/L	< 0,06x10 ^{-3(b)}	0,003
11.	Chỉ số pecmanganat(*)	TCVN 6186 : 1996	mg/L	0,512	2
12.	Hàm lượng Clorua (*)	TCVN 6194:1996	mg/L	8,51	250 hoặc 300
13.	Hàm lượng Crom	SMEWW3113B:2023	mg/L	< 0,67x10 ^{-3(b)}	0,05

Lưu ý: - Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm

- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hưng Yên.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Giải quyết thắc mắc, khiếu nại trong 07 ngày kể từ ngày trả kết quả ghi trên phiếu kết quả kiểm nghiệm
- * Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017
- ** Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ
- *** Chỉ tiêu/phép thử được chỉ định phục vụ quản lý nhà nước

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
14.	Hàm lượng Đồng ^(*)	SMEWW3111B:2023	mg/L	< 0,03 ^(b)	1
15.	Độ cứng (tính theo CaCO ₃) ^(*)	TCVN 6224:1996	mg/L	88,0	300
16.	Hàm lượng Kẽm	SMEWW3111B:2023	mg/L	<0,03 ^(b)	2
17.	Hàm lượng Mangan tổng số ^(*)	SMEWW3111B:2023	mg/L	< 0,03 ^(b)	0,1
18.	Hàm lượng Natri ^(*)	TCVN 6660 : 2000	mg/L	4,08	200
19.	Hàm lượng Nitrat(NO ₃ ⁻ tính theo N) ^(*)	TCVN 6180 : 1996	mg/L	0,842	11
20.	Hàm lượng Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) ^(*)	TCVN 6178 : 1996	mg/L	< 0,001 ^(b)	0,9
21.	Hàm lượng Sắt (tổng số) ^(*)	SMEWW3111B:2023	mg/L	< 0,03 ^(b)	0,3
22.	Hàm lượng Sulphate ^(*)	QT 17.2025 / HLN	mg/L	7,72	250
23.	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	SMEWW3112B:2023	mg/L	< 0,3x10 ^{-3(b)}	0,001
24.	Tổng chất rắn hòa tan	SMEWW2540C:2023	mg/L	112,0	1.000
25.	Hàm lượng Chì (Pb) ^(*)	SMEWW3113B:2023	mg/L	< 1,6x10 ^{-3(b)}	0,01
26.	Hàm lượng Niken	SMEWW3111B:2023	mg/L	< 0,02 ^(b)	0,07
27.	Hàm lượng Florua ^(*)	QT 32.2025 / HLN	mg/L	< 0,3 ^(a)	1,5

2. Chỉ tiêu vi sinh:

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
1.	Coliform ^(*)	TCVN6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	< 1
2.	E.coli ^(*)	TCVN6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	< 1
3.	S. aureus ^(*)	SMEWW 9213B:2023	CFU/100ml	KPH	< 1
4.	P. aeruginosa ^(*)	TCVN 8881 : 2011	CFU/100ml	KPH	< 1

Ghi chú: KPH - Không phát hiện

(a): Giá trị giới hạn định lượng của phương pháp thử (LOQ)

(b): Giới hạn phát hiện của phương pháp thử (LOD)



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
Lê Thị Hồng Nhung

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM
CDHA - TDCN

Ths. Phạm Thị Thu Hà

Lưu ý: - Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm

- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hưng Yên.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Giải quyết thắc mắc, khiếu nại trong 07 ngày kể từ ngày trả kết quả ghi trên phiếu kết quả kiểm nghiệm
- * Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017
- ** Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ
- *** Chỉ tiêu/phép thử được chỉ định phục vụ quản lý nhà nước



SỞ Y TẾ HƯNG YÊN
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Cơ sở 1: Đường Hải Thượng Lãn Ông, Phường Phố Hiến, Tỉnh Hưng Yên

Cơ sở 2: Số 113, Đường Nguyễn Tông Quai, Phường Trần Lãm, Tỉnh Hưng Yên

ĐT: 02273.832.639 - Email: khoaxncdchy@gmail.com

Số: 1347 /2026/KQTN-XN

Ngày trả kết quả: 22/06/2026

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

I. Lý lịch mẫu:

Tên mẫu: Nước sinh hoạt

Nhận diện mẫu: N44/09/06/26

Vị trí lấy mẫu: HGD Ông Ngô Văn Bình - Số 89 - Phố Nguyễn Trung Ngạn
- Xã Ân Thi - Tỉnh Hưng Yên

Mô tả mẫu: Mẫu được đựng trong chai nhựa, chai thủy tinh đầy nắp kín, có nhãn mác

Nơi gửi mẫu: Nhà Máy Cấp Nước Ân Thi

Địa chỉ: Phố Nguyễn Trung Ngạn - Xã Ân Thi - Tỉnh Hưng Yên

Người gửi mẫu: Phạm Thanh Hiền - Nhân viên công ty

Ngày gửi mẫu: Ngày 09 tháng 06 năm 2026

Mẫu gửi đến phòng thử nghiệm: Ngày 09 tháng 06 năm 2026

Yêu cầu thử nghiệm: 08 chỉ tiêu hóa lý và 02 chỉ tiêu vi sinh

II. Kết quả phân tích:

1. Chỉ tiêu hóa lý:

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
1.	Màu sắc (*)	SMEWW2120C:2023	TCU	< 0,3 ^(b)	15
2.	Mùi	SMEWW2150:2023	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
3.	Độ đục (*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,50	2
4.	Độ pH (*)	TCVN 6492 : 2011	-	7,64	6,0 - 8,5
5.	Hàm lượng Clo dư	TCVN6225-2:2021	mg/L	0,34	0,2 - 1,0
6.	Hàm lượng Asen (As) ^(*)	SMEWW3114B:2023	mg/L	<0,3 x 10 ^{-3(b)}	0,01
7.	Hàm lượng Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	< 0,01 ^(b)	1
8.	Chỉ số pecmanganat ^(*)	TCVN 6186 : 1996	mg/L	0,640	2

Lưu ý: - Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm

- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hưng Yên.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Giải quyết thắc mắc, khiếu nại trong 07 ngày kể từ ngày trả kết quả ghi trên phiếu kết quả kiểm nghiệm
- * Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017
- ** Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ
- *** Chỉ tiêu/phép thử được chỉ định phục vụ quản lý nhà nước

2. Chỉ tiêu vi sinh:

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
1.	Coliform(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	< 1
2.	E.coli (*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	< 1

Ghi chú: KPH - Không phát hiện

(a): Giá trị giới hạn định lượng của phương pháp thử (LOQ)

(b): Giới hạn phát hiện của phương pháp thử (LOD)



GIÁM ĐỐC

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
Lê Thị Hồng Nhung

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM
CĐHA - TDCN

Ths. Phạm Thị Thu Hà

Lưu ý: - Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm

- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hưng Yên.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Giải quyết thắc mắc, khiếu nại trong 07 ngày kể từ ngày trả kết quả ghi trên phiếu kết quả kiểm nghiệm
- * Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017
- ** Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ
- *** Chỉ tiêu/phép thử được chỉ định phục vụ quản lý nhà nước



SỞ Y TẾ HUNG YÊN
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Cơ sở 1: Đường Hải Thượng Lãn Ông, Phường Phố Hiến, Tỉnh Hưng Yên

Cơ sở 2: Số 113, Đường Nguyễn Tông Quai, Phường Trần Lãm, Tỉnh Hưng Yên

ĐT: 02273.832.639 - Email: khoaxncdchy@gmail.com

Số: 1348 /2026/KQTN-XN

Ngày trả kết quả: 22/06/2026

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

I. Lý lịch mẫu:

Tên mẫu: Nước sinh hoạt

Nhận diện mẫu: N45/09/06/26

Vị trí lấy mẫu: HGD Ông Vũ Văn Thắng - Phố Bùi Thị Cúc - Xã Ân Thi - Tỉnh Hưng Yên

Mô tả mẫu: Mẫu được đựng trong chai nhựa, chai thủy tinh đầy nắp kín, có nhãn mác

Nơi gửi mẫu: Nhà Máy Cấp Nước Ân Thi

Địa chỉ: Phố Nguyễn Trung Ngạn - Xã Ân Thi - Tỉnh Hưng Yên

Người gửi mẫu: Phạm Thanh Hiền - Nhân viên công ty

Ngày gửi mẫu: Ngày 09 tháng 06 năm 2026

Mẫu gửi đến phòng thử nghiệm: Ngày 09 tháng 06 năm 2026

Yêu cầu thử nghiệm: 08 chỉ tiêu hóa lý và 02 chỉ tiêu vi sinh

II. Kết quả phân tích:

1. Chỉ tiêu hóa lý:

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
1.	Màu sắc (*)	SMEWW2120C:2023	TCU	< 0,3 ^(b)	15
2.	Mùi	SMEWW2150:2023	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
3.	Độ đục (*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,53	2
4.	Độ pH (*)	TCVN 6492 : 2011	-	7,60	6,0 - 8,5
5.	Hàm lượng Clo dư	TCVN6225-2:2021	mg/L	0,31	0,2 - 1,0
6.	Hàm lượng Asen (As)(*)	SMEWW3114B:2023	mg/L	<0,3 x 10 ^{-3(b)}	0,01
7.	Hàm lượng Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)(*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	< 0,01 ^(b)	1
8.	Chỉ số pecmanganat(*)	TCVN 6186 : 1996	mg/L	0,576	2

Lưu ý: - Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm

- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hưng Yên.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Giải quyết thắc mắc, khiếu nại trong 07 ngày kể từ ngày trả kết quả ghi trên phiếu kết quả kiểm nghiệm
- * Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017
- ** Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ
- *** Chỉ tiêu/phép thử được chỉ định phục vụ quản lý nhà nước

2. Chỉ tiêu vi sinh:

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
1.	Coliform ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	< 1
2.	E.coli ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	< 1

Ghi chú: KPH - Không phát hiện

(a): Giá trị giới hạn định lượng của phương pháp thử (LOQ)

(b): Giới hạn phát hiện của phương pháp thử (LOD)



GIÁM ĐỐC

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
Lê Thị Hồng Nhung

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM
CDHA - TDCN

Ths. Phạm Thị Thu Hà

- Lưu ý:** - Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hưng Yên.
 - Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
 - Giải quyết thắc mắc, khiếu nại trong 07 ngày kể từ ngày trả kết quả ghi trên phiếu kết quả kiểm nghiệm
 - * Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017
 - ** Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ
 - *** Chỉ tiêu/phép thử được chỉ định phục vụ quản lý nhà nước



SỞ Y TẾ HƯNG YÊN
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Cơ sở 1: Đường Hải Thượng Lãn Ông, Phường Phố Hiến, Tỉnh Hưng Yên

Cơ sở 2: Số 113, Đường Nguyễn Tông Quai, Phường Trần Lãm, Tỉnh Hưng Yên

ĐT: 02273.832.639 - Email: khoaxncdchy@gmail.com

Số: 1349 /2026/KQTN-XN

Ngày trả kết quả: 22/06/2026

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

I. Lý lịch mẫu:

Tên mẫu: Nước sinh hoạt

Nhận diện mẫu: N46/09/06/26

Vị trí lấy mẫu: Vòi phát tại nhà máy

Mô tả mẫu: Mẫu được đựng trong chai nhựa, chai thủy tinh đầy nắp kín, có nhãn mác

Nơi gửi mẫu: Nhà Máy Cấp Nước Khoái Châu

Địa chỉ: Thôn Ngọc Nha Hạ - Xã Khoái Châu - Tỉnh Hưng Yên

Người gửi mẫu: Phạm Thanh Hiền - Nhân viên công ty

Ngày gửi mẫu: Ngày 09 tháng 06 năm 2026

Mẫu gửi đến phòng thử nghiệm: Ngày 09 tháng 06 năm 2026

Yêu cầu thử nghiệm: 27 chỉ tiêu hóa lý và 04 chỉ tiêu vi sinh

II. Kết quả phân tích:

1. Chỉ tiêu hóa lý:

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
1.	Màu sắc (*)	SMEWW2120C:2023	TCU	< 0,3 ^(b)	15
2.	Mùi	SMEWW2150:2023	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
3.	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,84	2
4.	Độ pH (*)	TCVN 6492 : 2011	-	7,54	6,0 - 8,5
5.	Hàm lượng Asen (As)(*)	SMEWW3114B:2023	mg/L	< 0,3x10 ^{-3(b)}	0,01
6.	Hàm lượng Clo dư	TCVN 6225-2:2021	mg/L	0,52	0,2 - 1,0
7.	Hàm lượng Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)(*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	< 0,01 ^(b)	1
8.	Hàm lượng Stibium(Sb)	SMEWW3113B:2023	mg/L	< 2,0x10 ^{-3(b)}	0,02
9.	Hàm lượng Bari (Ba)(*)	TCVN 6660 : 2000	mg/L	< 0,15 ^(b)	1,3
10.	Hàm lượng Cadimi(*)	SMEWW3113B:2023	mg/L	< 0,06x10 ^{-3(b)}	0,003
11.	Chỉ số pecmanganat(*)	TCVN 6186 : 1996	mg/L	0,704	2
12.	Hàm lượng Clorua (*)	TCVN 6194:1996	mg/L	7,80	250 hoặc 300
13.	Hàm lượng Crom	SMEWW3113B:2023	mg/L	< 0,67x10 ^{-3(b)}	0,05

Lưu ý: - Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm

- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hưng Yên.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Giải quyết thắc mắc, khiếu nại trong 07 ngày kể từ ngày trả kết quả ghi trên phiếu kết quả kiểm nghiệm
- * Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017
- ** Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ
- *** Chỉ tiêu/phép thử được chỉ định phục vụ quản lý nhà nước

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
14.	Hàm lượng Đồng ^(*)	SMEWW3111B:2023	mg/L	< 0,03 ^(b)	1
15.	Độ cứng (tính theo CaCO ₃) ^(*)	TCVN 6224:1996	mg/L	90,0	300
16.	Hàm lượng Kẽm	SMEWW3111B:2023	mg/L	<0,03 ^(b)	2
17.	Hàm lượng Mangan tổng số ^(*)	SMEWW3111B:2023	mg/L	< 0,03 ^(b)	0,1
18.	Hàm lượng Natri ^(*)	TCVN 6660 : 2000	mg/L	3,91	200
19.	Hàm lượng Nitrat(NO ₃ ⁻ tính theo N) ^(*)	TCVN 6180 : 1996	mg/L	0,712	11
20.	Hàm lượng Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) ^(*)	TCVN 6178 : 1996	mg/L	< 0,001 ^(b)	0,9
21.	Hàm lượng Sắt (tổng số) ^(*)	SMEWW3111B:2023	mg/L	< 0,03 ^(b)	0,3
22.	Hàm lượng Sulphate ^(*)	QT 17.2025 / HLN	mg/L	8,39	250
23.	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	SMEWW3112B:2023	mg/L	<0,3x10 ^{-3(b)}	0,001
24.	Tổng chất rắn hòa tan	SMEWW2540C:2023	mg/L	128,0	1.000
25.	Hàm lượng Chì (Pb) ^(*)	SMEWW3113B:2023	mg/L	< 1,6x10 ^{-3(b)}	0,01
26.	Hàm lượng Niken	SMEWW3111B:2023	mg/L	< 0,02 ^(b)	0,07
27.	Hàm lượng Florua ^(*)	QT 32.2025 / HLN	mg/L	< 0,3 ^(a)	1,5

2. Chỉ tiêu vi sinh:

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
1.	Coliform ^(*)	TCVN6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	< 1
2.	E.coli ^(*)	TCVN6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	< 1
3.	S. aureus ^(*)	SMEWW 9213B:2023	CFU/100ml	KPH	< 1
4.	P. aeruginosa ^(*)	TCVN 8881 : 2011	CFU/100ml	KPH	< 1

Ghi chú: KPH - Không phát hiện

(a): Giá trị giới hạn định lượng của phương pháp thử (LOQ)

(b): Giới hạn phát hiện của phương pháp thử (LOD)



TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM
CĐHA - TDCN

[Handwritten signature]

Ths. Phạm Thị Thu Hà

Lưu ý: - Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm

- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hưng Yên.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Giải quyết thắc mắc, khiếu nại trong 07 ngày kể từ ngày trả kết quả ghi trên phiếu kết quả kiểm nghiệm
- * Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017
- ** Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ
- *** Chỉ tiêu/phép thử được chỉ định phục vụ quản lý nhà nước



SỞ Y TẾ HƯNG YÊN
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Cơ sở 1: Đường Hải Thượng Lãn Ông, Phường Phố Hiến, Tỉnh Hưng Yên

Cơ sở 2: Số 113, Đường Nguyễn Tông Quai, Phường Trần Lãm, Tỉnh Hưng Yên

ĐT: 02273.832.639 - Email: khoaxncdchy@gmail.com

Số: 1350 /2026/KQTN-XN

Ngày trả kết quả: 22/06/2026

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



I. Lý lịch mẫu:

Tên mẫu: Nước sinh hoạt

Nhận diện mẫu: N47/09/06/26

Vị trí lấy mẫu: Trạm Y Tế Phùng Hưng - Xã Khoái Châu - Tỉnh Hưng Yên

Mô tả mẫu: Mẫu được đựng trong chai nhựa, chai thủy tinh đầy nắp kín, có nhãn mác

Nơi gửi mẫu: Nhà Máy Cấp Nước Khoái Châu

Địa chỉ: Thôn Ngọc Nha Hạ - Xã Khoái Châu - Tỉnh Hưng Yên

Người gửi mẫu: Phạm Thanh Hiền - Nhân viên công ty

Ngày gửi mẫu: Ngày 09 tháng 06 năm 2026

Mẫu gửi đến phòng thử nghiệm: Ngày 09 tháng 06 năm 2026

Yêu cầu thử nghiệm: 08 chỉ tiêu hóa lý và 02 chỉ tiêu vi sinh

II. Kết quả phân tích:

1. Chỉ tiêu hóa lý:

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
1.	Màu sắc (*)	SMEWW2120C:2023	TCU	< 0,3 ^(b)	15
2.	Mùi	SMEWW2150:2023	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
3.	Độ đục (*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,99	2
4.	Độ pH (*)	TCVN 6492 : 2011	-	7,58	6,0 - 8,5
5.	Hàm lượng Clo dư	TCVN6225-2:2021	mg/L	0,46	0,2 - 1,0
6.	Hàm lượng Asen (As) ^(*)	SMEWW3114B:2023	mg/L	<1,0 x 10 ^{-3(a)}	0,01
7.	Hàm lượng Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	< 0,01 ^(b)	1
8.	Chỉ số pecmanganat ^(*)	TCVN 6186 : 1996	mg/L	0,768	2

Lưu ý: - Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm

- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hưng Yên.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Giải quyết thắc mắc, khiếu nại trong 07 ngày kể từ ngày trả kết quả ghi trên phiếu kết quả kiểm nghiệm
- * Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017
- ** Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ
- *** Chỉ tiêu/phép thử được chỉ định phục vụ quản lý nhà nước

2. Chỉ tiêu vi sinh:

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
1.	Coliform ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	< 1
2.	E.coli ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	< 1

Ghi chú: KPH - Không phát hiện

(a): Giá trị giới hạn định lượng của phương pháp thử (LOQ)

(b): Giới hạn phát hiện của phương pháp thử (LOD)



GIÁM ĐỐC

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Lê Thị Hồng Nhung

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM
CĐHA - TDCN

Ths. Phạm Thị Thu Hà

- Lưu ý:** - Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hưng Yên.
 - Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
 - Giải quyết thắc mắc, khiếu nại trong 07 ngày kể từ ngày trả kết quả ghi trên phiếu kết quả kiểm nghiệm
 - * Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017
 - ** Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ
 - *** Chỉ tiêu/phép thử được chỉ định phục vụ quản lý nhà nước



SỞ Y TẾ HƯNG YÊN
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Cơ sở 1: Đường Hải Thượng Lãn Ông, Phường Phố Hiến, Tỉnh Hưng Yên

Cơ sở 2: Số 113, Đường Nguyễn Tông Quai, Phường Trần Lãm, Tỉnh Hưng Yên

ĐT: 02273.832.639 - Email: khoaxncdchy@gmail.com

Số: 1351 /2026/KQTN-XN

Ngày trả kết quả: 22/06/2026

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

I. Lý lịch mẫu:

Tên mẫu: Nước sinh hoạt

Nhận diện mẫu: N48/09/06/26

Vị trí lấy mẫu: Khu Công Nghiệp Số 05 - Xã Xuân Trục - Tỉnh Hưng Yên

Mô tả mẫu: Mẫu được đựng trong chai nhựa, chai thủy tinh đầy nắp kín, có nhãn mác

Nơi gửi mẫu: Nhà Máy Cấp Nước Khoái Châu

Địa chỉ: Thôn Ngọc Nha Hạ - Xã Khoái Châu - Tỉnh Hưng Yên

Người gửi mẫu: Phạm Thanh Hiền - Nhân viên công ty

Ngày gửi mẫu: Ngày 09 tháng 06 năm 2026

Mẫu gửi đến phòng thử nghiệm: Ngày 09 tháng 06 năm 2026

Yêu cầu thử nghiệm: 08 chỉ tiêu hóa lý và 02 chỉ tiêu vi sinh



II. Kết quả phân tích:

1. Chỉ tiêu hóa lý:

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
1.	Màu sắc (*)	SMEWW2120C:2023	TCU	< 0,3 ^(b)	15
2.	Mùi	SMEWW2150:2023	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
3.	Độ đục (*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,96	2
4.	Độ pH (*)	TCVN 6492 : 2011	-	7,62	6,0 - 8,5
5.	Hàm lượng Clo dư	TCVN6225-2:2021	mg/L	0,48	0,2 - 1,0
6.	Hàm lượng Asen (As) ^(*)	SMEWW3114B:2023	mg/L	<0,3 x 10 ^{-3(b)}	0,01
7.	Hàm lượng Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	< 0,01 ^(b)	1
8.	Chỉ số pecmanganat ^(*)	TCVN 6186 : 1996	mg/L	0,768	2

Lưu ý: - Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm

- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hưng Yên.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Giải quyết thắc mắc, khiếu nại trong 07 ngày kể từ ngày trả kết quả ghi trên phiếu kết quả kiểm nghiệm
- * Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017
- ** Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ
- *** Chỉ tiêu/phép thử được chỉ định phục vụ quản lý nhà nước

2. Chỉ tiêu vi sinh:

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
1.	Coliform ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	< 1
2.	E.coli ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	< 1

Ghi chú: KPH - Không phát hiện

(a): Giá trị giới hạn định lượng của phương pháp thử (LOQ)

(b): Giới hạn phát hiện của phương pháp thử (LOD)



GIÁM ĐỐC

TS. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
Lê Thị Hồng Nhung

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM
CĐHA - TDCN

Ths. Phạm Thị Thu Hà

Lưu ý: - Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm

- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hưng Yên.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Giải quyết thắc mắc, khiếu nại trong 07 ngày kể từ ngày trả kết quả ghi trên phiếu kết quả kiểm nghiệm
- * Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017
- ** Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ
- *** Chỉ tiêu/phép thử được chỉ định phục vụ quản lý nhà nước